

Bản án số: 23/2021/HNGĐ -ST

Ngày: 23/3/ 2021

V/v tranh chấp: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Z**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lý

Bà Võ Thị Bời

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Z.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Z tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 882/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXX-ST ngày 23 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Lê Ngọc A**, sinh năm 1957

Nơi cư trú: Tổ Hải Thọ, thôn Phước Hạ, xã PD, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

* *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1958

Nơi cư trú: Tổ Hải Thọ, thôn Phước Hạ, xã PD, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 12/7/2020, bản tự khai ngày 17/8/2020 và biên bản hòa giải nguyên đơn ông Lê Ngọc A trình bày:*

Tôi và bà Nguyễn Thị L tự nguyện kết hôn năm 1978, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thương, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, đến năm 1983 bị mưa lụt làm mất tất cả giấy tờ trong đó có giấy đăng ký kết hôn. Vì vậy, khi khởi kiện ra Tòa xin ly hôn và tại phiên tòa tôi không thể cung cấp giấy đăng ký kết hôn cho Tòa án.

Chúng tôi sinh sống tại tỉnh Quảng Ngãi cho đến năm 1983 thì cả gia đình chuyển về thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa sinh sống. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng vài năm gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là chuyện kinh tế, tài sản vợ chồng. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn bà L đã dùng lời lẽ xúc phạm gia đình tôi và làm ảnh hưởng đến sức khỏe của mẹ tôi. Mâu thuẫn vợ chồng tôi có báo chính quyền địa phương đến can thiệp, hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện tại chúng tôi đã sống ly thân, tôi về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên tôi kiên quyết xin được ly hôn với bà L.

Về con chung: Chúng tôi có 03 (ba) con chung gồm: Lê Thanh T, sinh năm 1981; Lê Thị Th, sinh năm 1983; Lê Thị T1, sinh năm 1996. Các con đã trưởng thành khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai ngày 25/8/2020 và biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:* Tôi thống nhất với lời trình bày của ông A về thời gian kết hôn và hiện nay giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do mưa lụt đã làm thất lạc nên tôi không thể cung cấp cho Tòa án; về các con chung, về tài sản chung, nợ chung vợ chồng; Riêng về cuộc sống vợ chồng, tôi không đồng ý ly hôn vì hai vợ chồng đã chung sống với nhau mấy chục năm gắn bó nhưng từ tháng 4/2020 ông A thay đổi tính nết, có quan hệ ngoài chồng ngoài vợ nên đưa đơn ly hôn tôi. Tôi thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân, bản thân tôi cũng không còn tình cảm yêu thương ông A nhưng tôi không đồng ý ly hôn vì các con tôi đã trưởng thành cần có cả cha lẫn mẹ.

Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên nhận định: Tòa án nhân dân thành phố Z thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Ngọc A và bà Nguyễn Thị L cho rằng có đăng ký kết hôn từ năm 1978 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thương, huyện T N , tỉnh Quảng Ngãi nhưng đã làm thất lạc giấy đăng ký kết hôn nên không thể cung cấp cho Tòa án nhân dân thành phố Z. Tuy nhiên, tại đơn xin xác nhận của ông Lê Ngọc A đề ngày 10/7/2020 thì Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thương, huyện T N , tỉnh Quảng Ngãi đã xác nhận ông Lê Ngọc A , sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị L , sinh năm 1958 sống chung như vợ chồng từ năm 1978 và có 03 người con chung. Đồng thời ông A và bà L đều thừa nhận ông bà chung sống từ năm 1978 và có một người con sinh năm 1979 nhưng đã chết, đến năm 1981 ông bà tiếp tục sinh các con chung thể hiện tại các giấy khai sinh năm 1981, 1983, 1996 nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ông Lê Ngọc A và bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau từ năm 1978 không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (được sửa đổi bổ sung năm 2010); Điểm a Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Ngọc A và bà Nguyễn Thị L là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, ông Lê Ngọc A cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ việc chia tài sản chung nên đã tự sống ly thân. Ngoài ra, bà L cư xử không tốt với mẹ chồng, dùng lời lẽ xúc phạm gia đình chồng. Tình cảm vợ chồng không còn nữa nên ông kiên quyết xin ly hôn. Bà Nguyễn Thị L thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ vài tháng nay, bà không còn tình cảm yêu thương vợ chồng với ông A nhưng vì các con nên bà không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Thực tế Ông A và bà L đã tự sống ly thân, bỏ mặc nhau, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; Vợ chồng không tôn trọng danh dự, uy tín của nhau. Đồng thời, tại biên bản xác minh của địa phương nơi ông A, bà L cư trú cũng xác định cuộc sống vợ chồng của ông A và bà L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, tình trạng hiện tại của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc sống gia đình cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên yêu cầu khởi kiện của ông A là có căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] *Về con chung*: Các con chung đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông A, bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] *Về án phí*: Ông Lê Ngọc A được miễn nộp tiền tạm ứng án phí đối với người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ vào các 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình
- Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Lê Ngọc A

Ông Lê Ngọc A được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Ngọc A, bà Nguyễn Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Ông Lê Ngọc A được miễn nộp tiền tạm ứng án phí đối với người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. Z;
- THADS Tp. Z;
- Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thương,
huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hạng